SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT
NGUYỄN TRUNG TRỰC

Số: 07/TTr-THPT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phù Mỹ, ngày 10 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt kế hoạch mua sắm tài sản, thiết bị trường học và sửa chữa năm 2024

Kính gửi: - Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định;
- Phòng KH-TC Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 12 tháng 2 năm 2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Ban hành quy định, tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4426/QĐ-SGDĐT ngày 21/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024;

Căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu cần mua sắm tài sản và tăng cường cơ sở vật chất trường học năm 2024 của trường THPT Nguyễn Trung Trực.

Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Trung Trực lập tờ trình kính đề nghị Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo cho phép nhà trường đăng ký mua sắm, sửa chữa những tài sản, thiết bị và nguồn kinh phí thực hiện sau:

I- Nguồn kinh phí chi thường xuyên năm 2024: *197.196.000 đồng*

1- Thiết bị tối thiểu lớp 12 : 197.196.000 đồng *(có danh mục kèm theo)*

Số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi bảy triệu một trăm chín mươi sáu nghìn đồng

Kính gửi Lãnh đạo Sở GD&ĐT Bình Định xem xét, cho chủ trương để chúng tôi có căn cứ thực hiện./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

P. HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN TRUNG TRỰC

Phan Thanh Dũng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

TỔNG HỢP NHU CẦU MUA SẮM THIẾT BỊ TỐI THIỂU LỚP 12 NĂM 2024

(Kèm theo tờ trình số 07/TTr-THPT ngày 10 tháng 4 năm 2024
của Trường THPT Nguyễn Trung Trực)

STT	Tên tài sản *(chỉ ghi tên danh mục thiết bị thiếu)*	ĐVT	Tiêu chuẩn, định mức trang bị	Hiện trạng		Nhu cầu mua sắm 2024			Ghi chú (Tiêu chuẩn định mức theo văn bản nào)
				Số lượng hiện có tại đơn vị	Đánh giá hiện trạng theo Biên bản	Số lượng đề xuất mua sắm năm 2024	Đơn giá dự toán	Thành tiền (đồng)	
	MÔN HÓA							**3,848,000**	**Trường có 4 GV dạy; có 01 phòng Bộ môn (PBM)**
1	Bột sắt Fe, loại mịn có màu trắng xám	100g/Lọ	1	**0**	**0**	1	125,000	**125,000**	**Định mức 01 lọ/PBM (Theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT)**
2	Nhôm bột Al, loại mịn màu trắng bạc	100g/Lọ	1	0	0	1	211,000	**211,000**	
3	Đồng vụn, Cu	100g/Lọ	1	0	0	1	280,000	**280,000**	
4	Đồng lá, Cu	100g/Lọ	1	0	0	1	311,000	**311,000**	
5	Kẽm viên, Zn	100g/Lọ	1	0	0	1	234,000	**234,000**	
6	Lưu huỳnh bột, S	100g/Lọ	1	0	0	1	75,000	**75,000**	
7	Bromine lỏng, Br2	100ml/Lọ	1	0	0	1	195,000	**195,000**	
8	Sodium hydroxide, NaOH	500g/Lọ	1	0	0	1	124,000	**124,000**	
9	Hydrochloric acid 37%, HCl	500ml/Lọ	1	0	0	1	116,000	**116,000**	
10	Sulfuric acid 98%, H2SO4	500ml/Lọ	1	0	0	1	141,000	**141,000**	
11	Nitric acid 65%, HNO3	100ml/Lọ	1	0	0	1	150,000	**150,000**	

STT	Tên tài sản *(chỉ ghi tên danh mục thiết bị thiếu)*	ĐVT	Tiêu chuẩn, định mức trang bị	Hiện trạng		Nhu cầu mua sắm 2024			Ghi chú (Tiêu chuẩn định mức theo văn bản nào)
				Số lượng hiện có tại đơn vị	Đánh giá hiện trạng theo Biên bản	Số lượng đề xuất mua sắm năm 2024	Đơn giá dự toán	Thành tiền (đồng)	
12	Sodium floride, NaF	100g/Lọ	1	0	0	1	211,000	**211,000**	
13	Sodium chloride, NaCl	100g/Lọ	1	0	0	1	27,000	**27,000**	
14	Sodium bromide, NaBr	100g/Lọ	1	0	0	1	233,000	**233,000**	
15	Calcium chloride CaCl2.6H2O	100g/Lọ	1	0	0	1	103,000	**103,000**	
16	Iron(III) chloride, FeCl3	100g/Lọ	1	0	0	1	152,000	**152,000**	
17	Iron sulfate heptahydrate, FeSO4.7H2O	100g/Lọ	1	0	0	1	105,000	**105,000**	
18	Potassium nitrate, KNO3	100g/Lọ	1	0	0	1	141,000	**141,000**	
19	Copper (II) sulfate, CuSO4.5H2O	500g/Lọ	1	0	0	1	297,000	**297,000**	
20	Calcium carbonate, CaCO3	100g/Lọ	1	0	0	1	77,000	**77,000**	
21	Sodium hydrogen carbonate, NaHCO3	100g/Lọ	1	0	0	1	121,000	**121,000**	
22	Potassium permanganate, KMnO4	100g/Lọ	1	0	0	1	119,000	**119,000**	
23	Hydropeoxide 30%, H2O2	100ml/Lọ	1	0	0	1	72,000	**72,000**	
24	Glucose, C6H12O6	500g/lọ	1	0	0	1	111,000	**111,000**	
25	Ethanol 96°, C2H5OH	1000ml/lọ	1	0	0	1	117,000	**117,000**	
	TIN HỌC							**99,164,000**	**Trường có 01 phòng bộ môn Tin học, có 03 GV dạy**
26	Bàn để máy tính, ghế ngồi	Bộ	20	0	0	20	3,980,000	**79,600,000**	Theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT: Định mức 20 bộ/PBM
27	Điều hòa nhiệt độ	Cái	2			2	9,782,000	**19,564,000**	Theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT: định mức 02 cái/PBM

STT	Tên tài sản *(chỉ ghi tên danh mục thiết bị thiếu)*	ĐVT	Tiêu chuẩn, định mức trang bị	Hiện trạng		Nhu cầu mua sắm 2024			Ghi chú (Tiêu chuẩn định mức theo văn bản nào)
				Số lượng hiện có tại đơn vị	Đánh giá hiện trạng theo Biên bản	Số lượng đề xuất mua sắm năm 2024	Đơn giá dự toán	Thành tiền (đồng)	
	SINH HỌC							**7,185,000**	**Trường có 3 GV dạy; có 01 Phòng bộ môn**
	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG								
28	Tranh cơ chế tái bản DNA	Tờ	1	0	0	3	50,000	**150,000**	**Định mức 01 tờ/GV (Theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT)**
29	Tranh cơ chế phiên mã	Tờ	1	0	0	3	50,000	**150,000**	
30	Tranh cơ chế dịch mã để tổng hợp protein	Tờ	1	0	0	3	50,000	**150,000**	
31	Tranh Cấu trúc siêu hiển vi của NST	Tờ	1	0	0	3	50,000	**150,000**	
32	Tranh Sơ đồ cây sự sống	Tờ	1	0	0	3	50,000	**150,000**	
33	Video Thí nghiệm của Mendel	Bộ	1	0	0	3	195,000	**585,000**	**Định mức 01bộ/GV (Theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT)**
34	VideoThí nghiệm Morgan	Bộ	1	0	0	3	195,000	**585,000**	
35	Video các giai đoạn phát sinh loài người	Bộ	1	0	0	3	195,000	**585,000**	
36	Video cuá trình phát triển sinh vật qua các đại địa chất	Bộ	1	0	0	3	195,000	**585,000**	
37	Video diễn thế sinh thái	Bộ	1	0	0	3	195,000	**585,000**	
38	Video sự ấm lên toàn cầu	Bộ	1	0	0	3	195,000	**585,000**	
39	Video hướng dẫn thiết lập Hệ sinh thái	Bộ	1	0	0	3	195,000	**585,000**	
40	Video về nguyên lí của phương pháp tách chiết ADN từ tế bào và nguyên tắc ứng dụng sinh học phân tử trong thực tiễn.	Bộ	1	0	0	3	195,000	**585,000**	

STT	Tên tài sản *(chỉ ghi tên danh mục thiết bị thiếu)*	ĐVT	Tiêu chuẩn, định mức trang bị	Hiện trạng		Nhu cầu mua sắm 2024			Ghi chú (Tiêu chuẩn định mức theo văn bản nào)
				Số lượng hiện có tại đơn vị	Đánh giá hiện trạng theo Biên bản	Số lượng đề xuất mua sắm năm 2024	Đơn giá dự toán	Thành tiền (đồng)	
41	Video về quá trình ứng dụng công nghệ gene và triển vọng trong tương lai	Bộ	1	0	0	3	195,000	**585,000**	
42	Video về cơ sở, vai trò của một số biện pháp kiểm soát sinh học	Bộ	1	0	0	3	195,000	**585,000**	
43	Video về giá trị của sinh thái nhân văn trong việc phát triển bền vững ở một số lĩnh vực (nông nghiệp, phát triển đô thị, bảo tồn và phát triển, thích ứng với biến đổi khí hậu)	Bộ	1	0	0	3	195,000	**585,000**	
	CÔNG NGHỆ SINH							**1,959,000**	**Trường hiện có 3 GV**
44	Máy hút chân không mini	Chiếc	2	0	0	1	1,014,000	**1,014,000**	Theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT:Định mức 2 chiếc/PBM
45	Tranh Các giai đoạn phát triển phôi cá.	Tờ	1	0	0	3	30,000	**90,000**	Theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT: định mức 01 tờ/GV
46	Tranh Các giai đoạn phát triển của tôm.	Tờ	1	0	0	3	30,000	**90,000**	
47	Tranh Một số loại bệnh phổ biến trên cá	Tờ	1	0	0	3	30,000	**90,000**	
48	Tranh Một số loại bệnh phổ biến trên tôm	Tờ	1	0	0	3	30,000	**90,000**	
49	Video Các hoạt động lâm nghiệp cơ bản	Bộ	1	0	0	3	195,000	**585,000**	Theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT: định mức 01 Bộ/GV
	ĐỊA LÝ							**924,000**	**Trường hiện có 3 GV**

STT	Tên tài sản *(chỉ ghi tên danh mục thiết bị thiếu)*	ĐVT	Tiêu chuẩn, định mức trang bị	Hiện trạng		Nhu cầu mua sắm 2024			Ghi chú (Tiêu chuẩn định mức theo văn bản nào)
				Số lượng hiện có tại đơn vị	Đánh giá hiện trạng theo Biên bản	Số lượng đề xuất mua sắm năm 2024	Đơn giá dự toán	Thành tiền (đồng)	
50	Bản đồ hành chính Việt Nam	Tờ	1	0	0	1	66,000	**66,000**	**Theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT: định mức 01 tờ/GV**
51	Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam	Tờ	1	1	1	1	66,000	**66,000**	
52	Bản đồ khí hậu Việt Nam	Tờ	1	1	1	1	66,000	**66,000**	
53	Bản đồ phân bố nông nghiệp Việt Nam	Tờ	1	1	1	1	66,000	**66,000**	
54	Bản đồ phân bố công nghiệp Việt Nam	Tờ	1	1	1	1	66,000	**66,000**	
55	Bản đồ giao thông vận tải và bưu chính viễn thông Việt Nam	Tờ	1	0	0	1	66,000	**66,000**	
56	Bản đồ thương mại và du lịch Việt Nam	Tờ	1	0	0	1	66,000	**66,000**	
57	Bản đồ Trung du và miền núi Bắc Bộ	Tờ	1	0	0	1	66,000	**66,000**	
58	Bản đồ Đồng bằng sông Hồng	Tờ	1	0	0	1	66,000	**66,000**	
59	Bản đồ Bắc Trung Bộ	Tờ	1	0	0	1	66,000	**66,000**	
60	Bản đồ Duyên hải Nam Trung Bộ	Tờ	1	0	0	1	66,000	**66,000**	
61	Bản đồ Tây Nguyên	Tờ	1	0	0	1	66,000	**66,000**	
62	Bản đồ Đông Nam Bộ	Tờ	1	0	0	1	66,000	**66,000**	
63	Bản đồ Đồng bằng sông Cửu Long	Tờ	1	0	0	1	66,000	**66,000**	
	VẬT LÝ							**24,722,000**	**Trường hiện có 3 GV; có 01 phòng bộ môn**
	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG								**Theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT**
64	Máy tính xách tay	Bộ	1	0	0	1	18,950,000	**18,950,000**	Theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT: định mức 01 bộ/PBM

STT	Tên tài sản *(chỉ ghi tên danh mục thiết bị thiếu)*	ĐVT	Tiêu chuẩn, định mức trang bị	Hiện trạng		Nhu cầu mua sắm 2024			Ghi chú (Tiêu chuẩn định mức theo văn bản nào)
				Số lượng hiện có tại đơn vị	Đánh giá hiện trạng theo Biên bản	Số lượng đề xuất mua sắm năm 2024	Đơn giá dự toán	Thành tiền (đồng)	
65	Thiết bị đo cảm ứng từ	Bộ	7	0	0	2	2,886,000	**5,772,000**	Theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT: định mức 07 bộ/PBM
	CÔNG NGHỆ LÝ							**22,774,000**	**Trường hiện có 01 GV**
66	Màn hình hiển thị 65 inch	Cái	1	0	0	1	20,200,000	20,200,000	Theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT: định mức 01 cái/PBM
67	Bộ dụng cụ điện	Bộ	4	0	0	1	2,574,000	**2,574,000**	Theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT: định mức 04 bộ /trường
	TOÁN			0	0			**8,376,000**	**Trường hiện có 6 GV**
68	Tranh điện tử	Bộ	1	0	0	1	700,000	**700,000**	**Theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT: định mức 01 bộ/gv**
69	Phần mềm toán học (Đại số và giải tích)	Bộ	1	0	0	1	3,776,000	**3,776,000**	
70	Phần mềm toán học (Hình học và đo lương)	Bộ	1	0	0	1	3,900,000	**3,900,000**	
	KINH TẾ -PHÁP LUẬT							**714,000**	**Trường hiện có 2 GV**
71	Tranh ảnh về hoạt động kí kết hợp tác kinh tế quốc tế giữa chính phủ Việt Nam với 1 số tổ chức quốc tế và khu vực	Bộ	1	0	0	2	178,000	**356,000**	**Theo Thông tư số 39/2021/TT-**

STT	Tên tài sản *(chỉ ghi tên danh mục thiết bị thiếu)*	ĐVT	Tiêu chuẩn, định mức trang bị	Hiện trạng		Nhu cầu mua sắm 2024			Ghi chú (Tiêu chuẩn định mức theo văn bản nào)
				Số lượng hiện có tại đơn vị	Đánh giá hiện trạng theo Biên bản	Số lượng đề xuất mua sắm năm 2024	Đơn giá dự toán	Thành tiền (đồng)	
72	Tranh thể hiện một số loại hình bảo hiểm và chính sách an sinh xã hội cơ bản	Bộ	1	0	0	2	119,000	**238,000**	**BGDĐT: định mức 01 bộ/ GV**
73	Tranh thể hiện sơ đồ các hình thức thực hiện trách nhiệm XH của doanh nghiệp	Tờ	1	0	0	2	60,000	**120,000**	Theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT: định mức 01 tờ/Gv
	VĂN HỌC							**748,000**	**Trường hiện có 5 GV**
74	Video/clip/ phim tư liệu về sự nghiệp văn chương của Nam Cao	Bộ	1	0	0	1	180,000	**180,000**	**Theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT: định mức 01 Bộ/GV**
75	Video/clip/ phim tư liệu về thơ của Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám	Bộ	1	0	0	1	194,000	**194,000**	
76	Video/clip/ phim tư liệu về truyện ngắn, kí của Nguyễn Tuân	Bộ	1	0	0	1	180,000	**180,000**	
77	Video/clip/ phim tư liệu về kịch của Lưu Quang Vũ	Bộ	1	0	0	1	194,000	**194,000**	
	MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH							**10,062,000**	**Trường hiện có 01 GV**
78	Mô hình bánh thuốc nổ loại 200g	Bánh	20	0	0	17	128,000	**2,176,000**	Theo thông tư 19/2022/TT-BGDĐT: 20 bánh/trường

STT	Tên tài sản *(chỉ ghi tên danh mục thiết bị thiếu)*	ĐVT	Tiêu chuẩn, định mức trang bị	Hiện trạng		Nhu cầu mua sắm 2024			Ghi chú (Tiêu chuẩn định mức theo văn bản nào)
				Số lượng hiện có tại đơn vị	Đánh giá hiện trạng theo Biên bản	Số lượng đề xuất mua sắm năm 2024	Đơn giá dự toán	Thành tiền (đồng)	
79	Mô hình vũ khí tự tạo	Hộp	2	0	0	2	3,943,000	**7,886,000**	Theo thông tư 19/2022/TT-BGDĐT: 2 hộp/trường
	THỂ DỤC							**1,720,000**	**Theo Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT: 20 quả/ 1 GV; trường có 03 GV**
80	Quả bóng chuyền	Quả	20	50	50	10	172,000	**1,720,000**	
81	Chi phí thẩm định giá thiết bị							**4,000,000**	
82	Chi phí tư vấn hồ sơ mời và đánh giá hồ sơ mời thầu							**6,000,000**	
83	Chi phíthẩm định hồ sơ mời và kết quả lựa chọn nhà thầu							**5,000,000**	
	Tổng cộng							***197,196,000***	

Ghi chú: Viết tắt Phòng Bộ môn (PBM)

Phù Mỹ, ngày 10 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGUYỄN TRUNG TRỰC

Phạm Mạnh Cường

SỞ GD & ĐT BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phù Mỹ , ngày 28 tháng 10 năm 2023

BIÊN BẢN KIỂM TRA, RÀ SOÁT THỰC TRẠNG THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU LỚP 12 PHỤC VỤ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018

I-THỜI GIAN-ĐỊA ĐIỂM

Vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 28 tháng 10 năm 2023, tại Trường THPT Nguyễn Trung Trực, lãnh đạo trường THPT Nguyễn Trung Trực tổ chức họp đánh giá hiện trạng CSVC của trường nhằm đề xuất mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học, quản lý trong nhà trường.

II-THÀNH PHẦN DỰ HỌP

- Lãnh đạo nhà trường: -Ông : Phạm Mạnh Cường – HT; Ông : Phan Thanh Dũng – PHT
- Bà :Trương Thị Thúy Diễm- Chủ tịch công đoàn
- Ông: Phạm Đắc Lộc –TTCM Thể dục Quốc phòng- Thư ký HĐ
- Ông: Nguyễn Kim Thông – Thanh tra nhân dân

-Bà Bùi Thị Thảo- BT Đoàn trường; Bà Giáp Thị Mỹ Lệ- Phụ trách thiết bị

-Bà- Nguyễn Thị Nga- Kế toán

-Các Ông (Bà) là TTCM, TPCM năm học 2024-2024

STT	HỌ TÊN	Chức vụ	Tổ chuyên môn
1	Võ Đình Hạo	Tổ trưởng chuyên môn	Văn-Sử-GDCD
2	Hoàng Thanh Hùng	Tổ phó chuyên môn	
3	Phạm Hoàng Nghĩa	Tổ trưởng chuyên môn	Toán-Tin
4	Nguyễn Thị Nữ	Tổ phó chuyên môn	
5	Nguyễn Văn Học	Tổ trưởng chuyên môn	Lý-Địa-Công nghệ
6	Phan Thị Thu Sang	Tổ phó chuyên môn	
7	Võ Hùng Thái	Tổ trưởng chuyên môn	Hóa- Sinh
8	Trần Thị Thu Loan	Tổ phó chuyên môn	
9	Võ Thị Hằng	Tổ trưởng chuyên môn	Tổ Ngoại ngữ
10	Lưu Thị Mười	Tổ phó chuyên môn	

Chủ trì: Ông Phạm Mạnh Cường – Hiệu trưởng. Thư ký: Phạm Đắc Lộc

Nội dung làm việc:

-Thầy Hiệu trưởng thông qua Công văn số 2692/SGDĐT-KHTC ngày 24/10/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định về việc báo cáo nhu cầu mua sắm thiết bị tối thiểu lớp 9, lớp 12 phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

-Các thành viên tiến hành kiểm tra, rà soát thiết bị dạy học tối thiểu lớp 12 hiện tại của nhà trường và đối chiếu so sánh với tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị dạy học tối thiểu lớp 12 theo quy định tại Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ý kiến đề xuất: Qua kiểm tra, khảo sát hiện trạng thực tế, các thành viên tham gia kiểm tra nhận thấy:

-Một số môn năm trước đầu tư nhiều như môn Ngoại ngữ: có phòng học Ngoại ngữ và thiết bị âm thanh nên năm 2024 không có nhu cầu đầu tư thêm; Môn Lịch sử: chỉ có tranh ảnh nên cũng không có nhu cầu đầu tư, GV sử dụng TV và hình ảnh trực quan trên TV, máy tính.

-Phòng Tin học: Trong những năm học trước chỉ trang bị máy tính chứ không có bàn ghế riêng cho máy tính nên năm 2024 dành kinh phí nhiều hơn để trang bị bàn ghế và các thiết bị phục vụ phòng Tin học.

Thiết bị dạy học tối thiểu 12 của nhà trường hiện tại có một số thiết bị của một số bộ môn còn sử dụng được. Tuy nhiên, một số bộ môn còn thiếu một số thiết bị cần thiết so với tiêu chuẩn, định mức của Thông tư số 39/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học phổ thông.

(Có bảng tổng hợp nhu cầu mua sắm thiết bị tối thiểu lớp 12 năm 2024 kèm theo)

Do đó, việc mua sắm bổ sung các trang thiết bị dạy học tối thiểu lớp 12 nêu trên là rất cần thiết để phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục của nhà trường.Thành viên dự họp đề nghị Trường THPT Nguyễn Trung Trực tổ chức triển khai lập các thủ tục về mua sắm các trang thiết bị như : thiết bị thí nghiệm, thiết bị phục vụ dạy học, thiết bị dùng chung… đúng trình tự và quy định hiện hành. Giao Kế toán tham mưu thủ tục, phân rã kinh phí theo đúng dự toán Sở GD&ĐT Bình Định giao.

Sau khi Sở GDĐT đồng ý chủ trương, cho phép thực hiện, nhà trường sẽ tiến hành các bước tiếp theo theo quy định hiện hành.

Cuộc họp kết thúc lúc 09 giờ 30phút cùng ngày và được đọc lại cho các thành viên dự họp nghe, thống nhất ký tên./.

THÀNH PHẦN THAM DỰ

Thư ký	Công đoàn	PHÓ HT	HIỆU TRƯỞNG
Phạm Đắc Lộc	*Trương Thị Thúy Diễm*	*Phan Thanh Dũng*	*Phạm Mạnh Cường*

PT thiết bị	Kế toán	Thanh tra nhân dân
Giáp Thị Mỹ Lệ	*Nguyễn Thị Nga*	*Nguyễn Kim Thông*

STT	HỌ TÊN	Chữ ký	Tổ chuyên môn
1	**Võ Đình Hạo**		Văn-Sử-GDCD
2	**Hoàng Thanh Hùng**		
3	**Phạm Hoàng Nghĩa**		Toán-Tin
4	**Nguyễn Thị Nữ**		
5	**Nguyễn Văn Học**		Lý-Địa-Công nghệ
6	**Phan Thị Thu Sang**		
7	**Võ Hùng Thái**		Hóa- Sinh
8	**Trần Thị Thu Loan**		
9	**Võ Thị Hằng**		Tổ Ngoại ngữ
10	**Lưu Thị Mười**		